

THÔNG BÁO
Kết quả xét tốt nghiệp và xếp loại tốt nghiệp năm 2025

- Kính gửi:
- Các Phòng, Khoa;
 - Nhà giáo chủ nhiệm các lớp;
 - Sinh viên các lớp Cao đẳng chính quy khóa học 2022-2025;
 - Sinh viên xin đăng ký xét tốt nghiệp không đúng tiến độ.

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-CDYT ngày 21/08/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đối với sinh viên Cao đẳng chính quy khóa học 2022-2025 và sinh viên kết thúc khóa học không theo đúng tiến độ đào tạo - Đợt tháng 08/2025;

Căn cứ kết quả cuộc họp của Hội đồng xét tốt nghiệp trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa vào ngày 08/9/2025;

Hội đồng xét tốt nghiệp đối với sinh viên Cao đẳng chính quy khóa học 2022-2025 và sinh viên kết thúc khóa học không theo đúng tiến độ đào tạo - Đợt tháng 08/2025 thông báo đến các Phòng, Khoa, Nhà giáo chủ nhiệm các lớp Cao đẳng chính quy khóa 2022-2025 và sinh viên xin đăng ký xét tốt nghiệp đợt xét tháng 08/2025 kết quả xét và xếp loại tốt nghiệp (Đính kèm danh sách kết quả xét và xếp loại tốt nghiệp - Đợt tháng 08/2025).

Mọi thắc mắc về kết quả xét và xếp loại tốt nghiệp, Nhà giáo chủ nhiệm, sinh viên phản hồi về bộ phận một cửa Phòng Đào tạo.

+ Thời gian:

Từ ngày 8/09/2025 đến 15 giờ 00 ngày 15/09/2025.

+ Sinh viên tải mẫu đơn tại địa chỉ:

<https://cyk.edu.vn/sinh-vien/bieu-mau-sinh-vien>



Sau thời gian trên, Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ không giải quyết bất kỳ vấn đề và thắc mắc nào về kết quả xét và xếp loại tốt nghiệp - Đợt tháng 8/2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Ban Giám hiệu;
- Các Phòng, Khoa;
- Nhà giáo chủ nhiệm các lớp;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, ĐT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP



CHỦ TỊCH
HIỆU TRƯỞNG
Trần Ngọc Thành

KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP - ĐỢT XÉT THÁNG 08/2025
ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHÓA HỌC 2022-2025 VÀ SINH VIÊN KẾT THÚC KHÓA HỌC KHÔNG ĐÙNG TIỀN ĐỘ ĐÀO TẠO

(Đính kèm theo Thông báo số 609/CDYT-HDXTN, ngày 08 / 9 / 2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp đối với sinh viên Cao đẳng chính quy khóa học 2022 - 2025 và sinh viên kết thúc khóa học không theo đúng tiến độ đào tạo)

I. DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP

TT		Mã SV	Họ và Tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1. Lớp Cao đẳng Điều dưỡng 17A (27/28 sinh viên)												
1	1	B22101001	Nguyễn Cao Thùy Anh		08/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.0	2.49	Trung bình	
2	2	B22101004	Hán Nữ Hải Chuyên		22/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.2	2.64	Khá	
3	3	B22101005	Nguyễn Thị Mỹ Chuyên		01/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.1	3.18	Giỏi	
4	4	B22101006	Bùi Kim Cúc		17/3/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	3.06	Giỏi	
5	5	B22101009	Lương Thùy Dương		17/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.76	Khá	
6	6	B22101010	Nguyễn Tường Duyên		02/02/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.3	2.66	Khá	
7	7	B22101012	Đổng Thị Thanh Giang		08/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.77	Khá	
8	8	B22101013	Nguyễn Thị Hằng Hà		07/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.83	Khá	
9	9	B22101014	Đoàn Bảo Hân		10/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.8	3.03	Giỏi	
10	10	B22101015	Lê Thị Cẩm Hằng		20/02/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.5	2.86	Khá	
11	11	B22101016	Trương Thị Thu Hằng		25/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.8	3.02	Giỏi	
12	12	B22101021	Đinh Thanh Huệ		17/9/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.8	3.08	Khá	Giảm một mức xếp loại tốt nghiệp từ Giỏi xuống Khá vì có thi lại 03 môn
13	13	B22101022	Nguyễn Thị Hồng Huệ		21/3/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.3	2.70	Khá	
14	14	B22101017	Trương Hồ Thanh Hào		16/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.1	3.27	Giỏi	
15	15	B22101018	Phạm Thu Hiếu		24/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.2	2.68	Khá	
16	16	B22101023	Võ Thị Thanh Huệ		31/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.93	Khá	
17	17	B22101026	Nguyễn Thị Nhật Hương		06/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.83	Khá	
18	18	B22101019	Lê Thị Mỹ Hoa		07/3/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.4	2.74	Khá	
19	19	B22101020	Hồ Kim Hoàng		23/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.74	Khá	
20	20	B22101027	Đinh Thị Trúc Huy		10/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	3.05	Giỏi	
21	21	B22101029	Lê Nguyễn Bảo Khương		28/5/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.8	3.02	Giỏi	
22	22	B22101030	Nguyễn Xuân Kiều		14/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.0	3.22	Giỏi	
23	23	B22101031	Vũ Thị Lành		20/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.9	3.17	Giỏi	
24	24	B22101032	Trần Phạm Bích Liễu		16/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.1	2.59	Khá	
25	25	B22101033	Nguyễn Thị Mỹ Linh		18/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.9	3.10	Khá	Giảm một mức xếp loại tốt nghiệp từ Giỏi xuống Khá vì có thi lại 03 môn
26	26	B22101035	Biện Thảo Trang		28/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.90	Khá	
27	27	B22101104	Đặng Văn Bảo		21/10/2004	Nam	Quảng Ngãi	103/103	8.3	3.34	Giỏi	
2. Lớp Cao đẳng Điều dưỡng 17B (31/31 sinh viên)												
28	1	B22101036	Lê Thị Kim Lụa		19/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.1	3.32	Giỏi	
29	2	B22101038	Nguyễn Thị Ngọc My		07/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.68	Khá	
30	3	B22101039	Võ Thị Kiều My		01/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.2	2.70	Khá	
31	4	B22101040	Phạm Thị Thủy Nga		14/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.83	Khá	
32	5	B22101042	Ngô Nguyễn Khánh Ngân		02/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.69	Khá	
33	6	B22101044	Trần Ngọc Nghĩa		05/3/2004	Nam	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.79	Khá	
34	7	B22101043	Nguyễn Thị Thanh Ngân		07/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.78	Khá	
35	8	B22101045	Hồ Thanh Ngọc		01/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.5	3.54	Xuất sắc	
36	9	B22101046	Huỳnh Lê Minh Ngọc		06/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.93	Khá	

TT		Mã SV	Họ và Tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
37	10	B22101047	Phan Như Ngọc		23/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.5	3.55	Xuất sắc	
38	11	B22101049	Thạch Băng Nhạn		05/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.75	Khá	
39	12	B22101050	Đặng Thị Yên	Nhi	27/8/2003	Nữ	Đắk Lắk	103/103	8.5	3.53	Xuất sắc	
40	13	B22101051	Mã Quỳnh	Nhi	21/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.75	Khá	
41	14	B22101052	Nguyễn Thị	Nhi	27/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.0	2.53	Khá	
42	15	B22101053	Nguyễn Thị Mỹ	Nhi	18/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.9	3.07	Giỏi	
43	16	B22101054	Nguyễn Nhật Quỳnh	Như	11/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.1	2.58	Khá	
44	17	B22101055	Đỗ Thị Kim	Oanh	05/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	2.95	Khá	
45	18	B22101056	Huỳnh Thị Trúc	Phương	17/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.78	Khá	
46	19	B22101057	Lý Nhật	Phương	16/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.81	Khá	
47	20	B22101059	Trần Nguyễn Thanh	Phương	30/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.2	3.35	Giỏi	
48	21	B22101060	Võ Thụy Lan	Quyên	12/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.70	Khá	
49	22	B22101064	Trần Quốc	Thắng	25/3/2004	Nam	Khánh Hòa	103/103	8.0	3.17	Giỏi	
50	23	B22101065	Trương Công	Thắng	27/4/2004	Nam	Đắk Lắk	103/103	7.4	2.72	Khá	
51	24	B22101061	Huỳnh Trần Diễm	Quỳnh	30/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.91	Khá	
52	25	B22101062	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	13/01/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.3	2.73	Khá	
53	26	B22101063	Trần Thị Tuyết	Sương	27/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	2.94	Khá	
54	27	B22101066	Bùi Ngọc Thiên	Thanh	31/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.85	Khá	
55	28	B22101067	Nguyễn Phương	Thanh	04/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.87	Khá	
56	29	B22101068	Đinh Thị Ngọc	Thảo	15/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.96	Khá	
57	30	B22101069	Nguyễn Anh	Thư	16/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	2.97	Khá	
58	31	B22101070	Phan Trần Minh	Trần	10/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.1	2.58	Khá	

3. Lớp Cao đẳng Điều dưỡng 17C (30/31 sinh viên)

59	1	B22101071	Võ Thị Ngọc	Anh	02/3/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.5	2.83	Khá	
60	2	B22101102	Phan Văn Hoa Anh	Đào	24/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.2	2.66	Khá	
61	3	B22101072	Lê Thị Hương	Giang	07/10/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.6	2.88	Khá	
62	4	B22101074	Bùi Ánh	Linh	18/6/2004	Nữ	Nghệ An	103/103	7.5	2.94	Khá	
63	5	B22101075	Nguyễn Ngọc Yến	Ly	30/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.2	3.34	Giỏi	
64	6	B22101076	Trần Thị Kim	Oanh	13/9/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.5	2.83	Khá	
65	7	B22101077	Đinh Thế Cảm	Quyên	06/7/2003	Nữ	Đắk Lắk	103/103	8.0	3.23	Giỏi	
66	8	B22101078	Phạm Lê Anh	Thị	12/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.2	3.40	Giỏi	
67	9	B22101079	Nguyễn Thị Mỹ	Thoa	11/6/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.4	2.83	Khá	
68	10	B22101080	Phạm Nữ Hồng	Thư	21/5/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.83	Khá	
69	11	B22101082	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	10/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.3	3.36	Giỏi	
70	12	B22101084	Đoàn Thị	Trà	04/6/2002	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.87	Khá	
71	13	B22101085	Lê Thị Ngọc	Trâm	11/01/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.1	3.23	Giỏi	
72	14	B22101086	Ngọc Thu	Trang	09/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.82	Khá	
73	15	B22101087	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/7/2004	Nữ	Hà Tĩnh	103/103	7.3	2.63	Khá	
74	16	B22101089	Trần Thị Khánh	Trang	18/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.74	Khá	
75	17	B22101093	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	27/3/2002	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.86	Khá	
76	18	B22101091	Nguyễn Thị Kiều	Trình	12/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.95	Khá	
77	19	B22101092	Hồ Thị Thanh	Trúc	05/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.86	Khá	
78	20	B22101094	Võ Thị Kim	Tuyền	08/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.0	3.11	Giỏi	
79	21	B22101095	Phan Minh	Tuyền	28/01/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.4	2.80	Khá	
80	22	B22101096	Hoàng Minh	Tuyết	29/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.92	Khá	
81	23	B22101097	Nguyễn Thụy Gia	Viên	20/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.2	2.66	Khá	
82	24	B22101098	Ngô Bùi Yến	Vy	20/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.8	2.99	Khá	
83	25	B22101099	Nguyễn Thị Thanh	Xoan	27/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.0	3.23	Giỏi	

II. DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Số môn nợ	Tên môn nợ
1. Lớp Cao đẳng Điều dưỡng 17A (01 sinh viên)										
1	B20101013	Lê Hồng Tân	30/07/1988	Nam	Khánh Hòa	62/99	6.70	2.29	14	1. CSNB cấp cứu và CSTC (3TC) 2. CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình (3TC) 3. CSSK trẻ em (3TC) 4. LS CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình (2TC) 5. LS CSSK trẻ em (2TC) 6. Thực hành dựa theo bằng chứng (2TC) 7. Xác suất, thống kê y học (2TC) 8. CSNB truyền nhiễm (2TC) 9. CSSK cộng đồng (2TC) 10. CSSK tâm thần (2TC) 11. Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (3TC) 12. LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (2TC) 13. Quản lý điều dưỡng (2TC) 14. Thực tập cuối khóa (4TC)
2. Lớp Cao đẳng Điều dưỡng 17C (01 sinh viên)										
1	B22101073	Lê Thị Mỹ Hương	25/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	101/103	7.40	2.70	1	1. Thực hành dựa theo bằng chứng (2TC)
3. Lớp Cao đẳng Dược 12A (04 sinh viên)										
1	B22103006	Dương Gia Bảo	29/4/2004	Nam	Khánh Hòa	82/94	7.60	2.90	4	1. Tiếng anh 1 (3TC) 2. Tin học (3TC) 3. Giáo dục chính trị (4T) 4. Sinh học và di truyền (2TC)
2	B22103024	Hoàng Thị Sang	19/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	89/96	6.90	2.40	2	1. Dược lý (5TC) 2. Dinh dưỡng tiết chế (2TC)
3	B22103026	Võ Thành Đạt	17/11/2004	Nam	Khánh Hòa	88/96	6.80	2.40	2	1. Tiếng anh 1 (3TC) 2. Dược lý (5TC)
4	B22103041	Kiều Xuân Hi	16/9/2003	Nữ	Khánh Hòa	91/96	7.40	2.80	1	1. Dược lý (5TC)
4. Lớp Cao đẳng Dược 12B (03 sinh viên)										
1	B22103053	Nguyễn Thanh Hoàng	23/11/2003	Nam	Khánh Hòa	89/96	6.70	2.30	2	1. Bảo chế (5) 2. Dinh dưỡng tiết chế (2TC)
2	B22103060	Hạng Tài Xuân Huy	28/8/1999	Nam	Khánh Hòa	94/96	6.70	2.30	1	1. Kỹ năng giao tiếp - GDSK (2TC)
3	B22103088	Lê Huỳnh Trúc Linh	31/10/2004	Nữ		66/96	6.40	2.10	12	1. GD quốc phòng & an ninh 2. Sinh lý (2TC) 3. Tổ chức quản lý dược (2TC) 4. Dược cổ truyền (3TC) 5. Xác suất, thống kê y học (2TC) 6. Kinh tế dược (2TC) 7. Kỹ năng giao tiếp - GDTC (2TC) 8. Thực hành nghiên cứu khoa học (2TC) 9. Dược lâm sàng (5TC) 10. Thực phẩm chức năng (2TC) 11. Quản trị kinh doanh dược (2TC) 12. Dược mỹ phẩm (2TC)
5. Lớp Cao đẳng Dược 12C (02 sinh viên)										
1	B22103112	Huỳnh Lê Bảo Ngân	14/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	92/96	7.40	2.60	1	1. Kiểm nghiệm (4TC)
2	B22103137	Thới Trần Quỳnh Như	06/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	94/96	6.90	2.40	1	2. Sinh học và di truyền (2TC)
6. Lớp Cao đẳng Dược 12D (10 sinh viên)										
1	B22103163	Trần Đình Sang	04/6/2004	Nam	Khánh Hòa	90/96	6.60	2.20	2	1. Tiếng anh 1 (3TC) 2. Thực vật dược (3TC)
2	B22103170	Nguyễn Lê Trúc Thảo	30/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	91/96	6.80	2.30	1	1. Dược lý (5TC)
3	B22103172	Nguyễn Thị Kim Thảo	05/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	93/96	6.80	2.30	1	1. Tiếng anh 1 (3TC)
4	B22103176	Đoàn Anh Thư	19/6/2004	Nữ	Đắk Lắk	91/96	7.00	2.40	1	1. Dược lý (5TC)
5	B22103178	Nguyễn Phan Minh Thư	19/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	91/96	6.80	2.40	1	1. Dược lý (5TC)
6	B22103179	Nguyễn Thị Xuân Thư	30/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	94/96	7.10	2.50	1	1. Sinh lý (2TC)
7	B22103186	Trần Thị Quỳnh Trân	19/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	89/96	7.10	2.50	2	1. Hóa đại cương - vô cơ (2TC) 2. Dược lý (5TC)
8	B22103189	Nguyễn Thị Thu Trang	23/8/2003	Nữ	Khánh Hòa	93/96	7.00	2.50	1	1. Thực vật dược (3TC)
9	B22103195	Võ Ngọc Thùy Trang	24/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	91/96	6.90	2.50	2	1. Sinh lý (2TC) 2. Thực vật dược (3TC)

10	B22103197	Nguyễn Lê Phương	Trinh	24/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	88/96	7.10	2.50	2	1. Thực vật được (3TC) 2. Bảo chế (5TC)
7. Lớp Cao đẳng Dược 12E (12 sinh viên)											
1	B22103201	Nguyễn Trung	Chính	10/01/2004	Nam	Khánh Hòa	91/96	6.50	2.10	2	1. Y đức (2TC) 2. Hóa dược (3TC)
2	B22103205	Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/11/2004	Nam	Khánh Hòa	84/96	6.60	2.10	4	1. Vi sinh - KST (2TC) 2. Giải phẫu (3TC) 3. Sinh lý (2TC) 4. Dược lý (5TC)
3	B22103206	Lê Nhật	Linh	23/10/2003	Nữ	Thành phố Đà Nẵng	93/96	6.90	2.40	1	1. Giải phẫu (3TC)
4	B22103207	Đặng Gia	Long	08/01/2004	Nam	Khánh Hòa	83/96	6.90	2.40	4	1. Thực vật được (3TC) 2. Sinh lý (2TC) 3. Bảo chế (5TC) 4. Hóa dược (3TC)
5	B22103218	Nguyễn Phan Minh	Trung	07/11/2000	Nam	Khánh Hòa	89/96	7.20	2.80	2	1. Sinh lý (2TC) 2. Bảo chế (5TC)
6	B22103212	Phan Vũ Quỳnh	Như	15/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	94/96	7.10	2.50	1	1. Sinh lý (2TC)
7	B22103221	Hoàng Trọng	Tuấn	03/10/2003	Nam	Khánh Hòa	71/96	6.60	2.20	10	1. Y đức (2TC) 2. Sinh học và di truyền (2TC) 3. Hóa hữu cơ (3TC) 4. Thực vật được (3TC) 5. Pháp luật (2TC) 6. Giải phẫu (3TC) 7. Sinh lý (2TC) 8. Giáo dục thể chất 9. Bệnh học (3TC) 10. Bảo chế (5TC)
8	B22103225	Mang Thị Nhục	Uy	05/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	94/96	7.10	2.50	1	1. Sinh lý (2TC)
9	B22103227	Huỳnh Lê Phương	Uyên	22/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	91/96	6.30	2.00	2	1. Giải phẫu (3TC) 2. Sinh lý (2TC)
10	B22103245	Phan Tường	Vy	19/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	92/96	6.70	2.20	1	1. Giáo dục chính trị (4TC)
11	B22103248	Đinh Thị Như	Ý	03/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	88/96	6.60	2.20	2	1. Giải phẫu (3TC) 2. Dược lý (5TC)
12	B22103250	Võ Thị Hoài	Thương	05/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	93/96	6.80	2.30	1	1. Giải phẫu (3TC)
8. Lớp Cao đẳng KT HA YH 14 (01 sinh viên)											
1	B22104007	Y YUN YOL	NIÊ	06/11/2002	Nam	Đắk Lắk	97/99	7.00	2.40	1	1. Bệnh học nội khoa (2TC)
9. Lớp Cao đẳng KT XN YH 14 (03 sinh viên)											
1	B22105002	Nguyễn Vinh	Hiền	22/11/2004	Nam	Khánh Hòa	101/106	7.20	2.50	2	1. Sinh học và di truyền (2TC) 2. Bệnh học (3TC)
2	B22105010	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trần	18/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/106	7.00	2.40	1	1. Bệnh học (3TC)
3	B22105011	Lê Nguyễn Tường	Vy	17/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/106	7.10	2.60	1	1. Bệnh học (3TC)
10. Lớp Cao đẳng KT Phục hình răng 5 (4 sinh viên)											
1	B22106023	Nguyễn Ngọc	Thành	01/02/2004	Nữ		72/100	6.50	2.00	11	1. Tin học (3TC) 2. GDQP và an ninh 3. Xác suất, thống kê y học (2TC) 4. Kỹ thuật phục hình cầu, sứ, kim loại (3TC) 5. Kỹ thuật phục hình khung và khung liên kết (3TC) 6. Phối hợp lâm sàng 3 (3TC) 7. Thực hành NCKH (2TC) 8. Kỹ thuật chỉnh hình răng mặt (3TC) 9. Công nghệ CAD/CAM nha khoa (2TC) 10. Implant và kỹ thuật phục hình trên implant (3TC) 11. Thực tập cuối khóa (4TC)
2	B22106026	Huỳnh Thị Gia	Thy	24/12/1997	Nữ	Khánh Hòa	92/100	7.20	2.70	4	1. Pháp luật (2TC) 2. Vật liệu nha khoa (2TC) 3. Dấu (khuôn) và mẫu trong kỹ thuật phục hình răng (2TC) 4. Ghi và tái lập các tương quan (2TC)
3	B22106033	Lê Hoàng	Viễn	27/6/2004	Nam	Gia Lai	90/100	6.20	1.90	5	1. Sinh lý (2TC) 2. Vật liệu nha khoa (2TC) 3. Dấu (Khuôn) và mẫu trong kỹ thuật phục hình răng (2TC) 4. Tạo mẫu và kỹ thuật sắp (2TC) 5. Vật liệu phục hình răng (2TC)
4	B22106036	Trần Chánh	Quy	04/10/2004	Nam	Khánh Hòa	96/100	6.50	2.10	1	1. Giáo dục chính trị (4TC)
11. Lớp Cao đẳng KT Phục hồi chức năng 5 (01 sinh viên)											
1	B22109011	Trương Phước	Toàn	10/02/2004	Nam	Quảng Trị	100/102	6.90	2.50	1	1. Dinh dưỡng - tiết chế (2TC)

Tổng cộng: 42 sinh viên